* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers

**SELECT \* FROM customers**

1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có customerName chứa chuỗi ký tự ‘model’

**SELECT \* FROM customers WHERE customerName LIKE '%model%'**

1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có country là USA và có creditLimit lớn hơn 10000

**SELECT \* FROM customers WHERE country = 'USA' AND creditLimit > 10000**

1. Lấy thông tin 10 khách hàng đầu tiên từ bảng customers mà có state không rỗng

**SELECT \* FROM customers WHERE state IS NOT NULL LIMIT 0,10**

1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có phone chứa chuỗi “40”, sắp xếp theo chiều giảm dần của trường customerNumber

**SELECT \* FROM customers WHERE phone LIKE '%40%' ORDER BY customerNumber DESC**

1. Tạo bảng users

**CREATE TABLE users (**

**id INT(11) NOT NULL AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,**

**username VARCHAR(255) NOT NULL,**

**password VARCHAR(255) NOT NULL,**

**gender TINYINT(3) NULL,**

**description TEXT NULL,**

**birthday DATETIME NULL,**

**date\_created TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP**

**)**

1. Insert dữ liệu vào bảng users

**INSERT INTO users(username,password,gender,description,birthday)**

**VALUES ('nvmanh1',123456,1,'Đây là user nvmanh1','1990-01-05'),**

**('nvmanh2',654321,0,'Đây là user nvmanh2','1998-02-23'),**

**('nvmanh3',1234567890,2,'Đây là user nvmanh3','1994-06-05'),**

**('nvmanh4',111111,2,'Đây là user nvmanh4','2022-02-22')**

1. Từ bảng users vừa tạo, hãy sửa username của user mà có id = 2, username sau khi sửa có giá trị mới = user\_edited

**UPDATE users SET username = 'user\_edited' WHERE id = 2**

1. Từ bảng users vừa tạo, hãy xóa user có username là nvmanh4

**DELETE FROM users WHERE username = 'nvmanh4'**